

Bảo đảm quyền được tham gia của người dân vào quá trình phát triển - động lực phát triển đất nước ở Việt Nam hiện nay

Phạm Thị Thúy Nga*

Nhận ngày 18 tháng 5 năm 2025. Chấp nhận đăng ngày 14 tháng 8 năm 2025.

Tóm tắt: Bài viết phân tích tầm quan trọng của việc bảo đảm quyền tham gia của người dân vào quá trình phát triển tại Việt Nam, đồng thời chỉ ra các động lực phát triển quốc gia từ việc thực thi quyền này. Mặc dù Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trong việc thực thi quyền tham gia của người dân vào quá trình phát triển, nhưng vẫn còn tồn tại những hạn chế như dân chủ hình thức, tham nhũng và thiếu minh bạch. Để tiếp tục cải thiện, bài viết đề xuất xây dựng hệ thống pháp luật rõ ràng, thiết lập cơ chế giám sát hiệu quả, tăng cường tham vấn và quyền tiếp cận thông tin, thúc đẩy tính minh bạch và trách nhiệm giải trình, cũng như nâng cao giáo dục và nhận thức cộng đồng. Những biện pháp này nhằm tạo động lực phát triển bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống và thúc đẩy sự công bằng trong xã hội.

Từ khóa: Quyền được tham gia, sự tham gia của người dân, nhà nước pháp quyền, phát triển.

Phân loại ngành: Luật học

Abstract: This article analyzes the importance of ensuring citizens' right to participate in the development process in Vietnam, while also identifying national development drivers from the effective exercise of this right. Although Vietnam has achieved significant accomplishments in promoting citizens' participation in the development process, challenges persist, including formalistic approaches to democracy, corruption, and limited transparency. To address these obstacles, the article proposes a set of measures, including the development of a clear and coherent legal framework, the establishment of effective oversight mechanisms, the strengthening of consultation processes and access to information, the promotion of transparency and accountability, and the enhancement of education and public awareness. These measures are intended to generate momentum for sustainable development, improve the quality of life, and promote better social equity.

Keywords: Right to participate, public participation, rule-of-law state, development.

Subject classification: Jurisprudence

1. Đặt vấn đề

Quyền được tham gia của người dân vào quá trình phát triển là quyền cơ bản, phản ánh rõ nét nguyên tắc “lấy người dân làm trung tâm” trong mô hình phát triển hiện đại. Trên thế giới, quyền này ngày càng được mở rộng về nội dung và phương thức thực hiện, trở thành động lực quan trọng thúc đẩy sáng tạo, tăng cường trách nhiệm giải trình và bảo đảm phát triển bền vững. Ở Việt Nam, các quyền này đã được ghi nhận trong Hiến pháp và pháp luật, song vẫn cần tiếp tục hoàn thiện về thể chế và thực thi để phát huy vai trò thực chất trong phát triển đất nước. Bài viết tập trung phân tích cơ sở lý luận, pháp lý và thực tiễn nhằm làm rõ vai trò của quyền này như động lực nội sinh cho phát triển, từ đó đề xuất các định hướng bảo đảm quyền phù hợp với yêu cầu hiện nay.

* Viện Nhà nước và Pháp luật, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: phamthithuynga76@yahoo.com.vn hoặc ngapham@isl.gov.vn

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành luật học để phân tích một cách hệ thống và toàn diện các vấn đề liên quan đến quyền được tham gia của người dân vào quá trình phát triển. Cụ thể, phương pháp phân tích - tổng hợp được sử dụng để làm rõ khái niệm, nội hàm và vai trò của quyền được tham gia của người dân vào quá trình phát triển trong lý luận pháp lý và thực tiễn chính sách phát triển. Phương pháp tiếp cận quyền con người là nền tảng xuyên suốt để đánh giá quyền nói trên không chỉ như công cụ quản trị mà còn là chuẩn mực pháp lý có giá trị phổ quát. Phương pháp so sánh pháp luật được vận dụng nhằm đối chiếu kinh nghiệm pháp lý của một số quốc gia như Đức, Nhật Bản với pháp luật Việt Nam, từ đó rút ra các bài học phù hợp. Ngoài ra, phương pháp phân tích chính sách pháp luật được áp dụng để đánh giá tính phù hợp, hiệu lực và thực tiễn thực thi của hệ thống pháp luật hiện hành trong việc bảo đảm quyền này tại Việt Nam. Việc sử dụng phối hợp các phương pháp trên góp phần bảo đảm tính khoa học, khách quan và thực tiễn trong lập luận và đề xuất kiến nghị của bài viết.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Quyền được tham gia của người dân vào quá trình phát triển

Sự tham gia hay quyền tham gia là khía cạnh quan trọng của quản trị công hiện đại và đồng thời là trụ cột của phát triển bền vững (UN Department of Economic and Social Affairs, 2020: 115). Quyền tham gia của người dân vào quá trình phát triển là quyền mà mỗi cá nhân trong xã hội có thể tham gia vào các quyết định, quá trình lập kế hoạch, chính sách và các hoạt động liên quan đến sự phát triển kinh tế, xã hội và môi trường của đất nước. Thuật ngữ tham gia gắn liền với xã hội dân chủ, nơi mọi người có quyền tham gia vào hệ thống quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp. Tham gia là quyền mà một người có thể thực hiện chức năng của mình trong xã hội và bày tỏ quan điểm hoặc hành vi của mình đối với hệ thống chính trị và quản lý. Có thể hiểu *Quyền được tham gia vào quá trình phát triển là quyền cơ bản của mỗi cá nhân và cộng đồng trong việc tham gia một cách có ý nghĩa vào các quyết định và quá trình ra quyết định liên quan đến sự phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, và môi trường.*

Khái niệm “quyền tham gia của người dân vào quá trình phát triển” xuất phát từ tư tưởng dân chủ và nhân quyền, được hình thành và phát triển mạnh mẽ sau Chiến tranh Thế giới thứ hai. Quyền tham gia lần đầu tiên được ghi nhận một cách rộng rãi trên phạm vi toàn cầu trong Điều 21 của Tuyên ngôn toàn thế giới về Quyền con người (1948), trong đó quy định rằng mọi người đều có quyền tham gia vào chính phủ của quốc gia mình, trực tiếp hoặc thông qua các đại diện được lựa chọn một cách tự do. Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR) năm 1966 cụ thể hóa hơn nữa quyền tham gia với quy định rằng, mọi công dân đều có quyền và cơ hội tham gia vào việc điều hành các công việc công cộng, trực tiếp hoặc thông qua các đại diện được lựa chọn tự do, bầu cử, ứng cử và tiếp cận dịch vụ công cộng (Điều 25). ICCPR đã đưa quyền tham gia vào một khung pháp lý bắt buộc đối với các quốc gia thành viên, tạo điều kiện cho việc bảo vệ và thúc đẩy quyền này ở cấp quốc gia. Tuyên bố về Quyền Phát triển (1986) được thông qua bởi Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, nhấn mạnh quyền của các cá nhân và các dân tộc trong việc tham gia vào, đóng góp vào và hưởng lợi từ sự phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa và chính trị (khoản 1 Điều 1). Chương trình Nghị sự 21 (1992) được thông qua tại Hội nghị thượng đỉnh Trái đất về Môi trường và Phát triển ở Rio de Janeiro, đã xác định vai trò quan trọng của sự tham gia của cộng đồng trong việc đạt được phát triển bền vững; Chương trình Nghị sự 2030 về Phát triển bền vững

(2015) đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đảm bảo sự tham gia của tất cả các bên liên quan, bao gồm cả người dân, trong quá trình phát triển. Nhìn chung, “quyền tham gia của người dân vào quá trình phát triển” đã được hình thành từ các tư tưởng dân chủ và nhân quyền cơ bản, phát triển qua các giai đoạn lịch sử với sự đóng góp của nhiều văn kiện quốc tế.

Quyền tham gia của người dân vào quá trình phát triển được có bốn cấp độ: tiếp cận thông tin, tham gia ý kiến, tham gia trực tiếp và giám sát quá trình phát triển (Phạm Thị Hậu, 2024). *Trước hết*, tiếp cận thông tin là tiền đề quan trọng để người dân có thể hiểu rõ các chính sách, chương trình và hoạt động phát triển đang và sẽ diễn ra, từ đó có đủ cơ sở để đưa ra ý kiến hoặc quyết định tham gia một cách có trách nhiệm; *Thứ hai*, người dân cần được tạo điều kiện để tham gia ý kiến một cách thực chất, không chỉ thông qua các hình thức lấy ý kiến hình thức mà phải thông qua các cơ chế thể chế hóa sự tham vấn, phản biện, đối thoại chính sách. Điều này giúp chính sách được hoàn thiện hơn, sát với thực tiễn, phản ánh được lợi ích và nguyện vọng chính đáng của cộng đồng; *Thứ ba*, người dân cần được tham gia trực tiếp vào các hoạt động phát triển - không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn là chủ thể đồng hành trong quá trình triển khai các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở cấp cơ sở. Sự tham gia trực tiếp này giúp nâng cao tính đồng thuận xã hội, phát huy nguồn lực cộng đồng và tăng hiệu quả thực thi chính sách; *Cuối cùng*, người dân có vai trò giám sát quá trình phát triển góp phần nâng cao trách nhiệm giải trình của chính quyền, ngăn ngừa sai phạm, thất thoát nguồn lực và tăng cường niềm tin xã hội.

Có thể nói, quyền tham gia ở Việt Nam bắt đầu được công nhận một cách gián tiếp thông qua quyền phúc quyết tại Hiến pháp năm 1946 (Điều 70). Đây là một bước khởi đầu quan trọng, dù quyền tham gia chưa được định nghĩa cụ thể nhưng đã thiết lập nền tảng cho việc công dân có tiếng nói trong các quyết định quan trọng của quốc gia. Quyền tham gia được quy định rõ ràng trong Hiến pháp năm 1980 tại Điều 56: “Công dân có quyền tham gia quản lý công việc của Nhà nước và của xã hội”. Có thể nói, Điều 56 của Hiến pháp năm 1980 đánh dấu một bước tiến lớn khi lần đầu tiên khẳng định rõ quyền của công dân tham gia vào quản lý công việc của Nhà nước và xã hội. Điều này phản ánh một bước tiến quan trọng trong nhận thức về vai trò của người dân trong quá trình quản lý nhà nước. Sau đó, Hiến pháp năm 1992 quy định rõ ràng và cụ thể hơn quyền tham gia tại Điều 53 như sau: “Công dân có quyền tham gia quản lý Nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận các vấn đề chung của cả nước và địa phương, kiến nghị với cơ quan nhà nước, biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân”. Theo đó, quyền tham gia đã được gắn với quyền tham gia thảo luận, quyền kiến nghị và quyền biểu quyết trưng cầu ý dân. Như vậy Hiến pháp năm 1992 đã mở rộng hơn nữa quyền tham gia khi bao gồm quyền tham gia thảo luận, quyền kiến nghị, và quyền biểu quyết trong trưng cầu ý dân. Điều này không chỉ mở rộng phạm vi của quyền tham gia mà còn cụ thể hóa các hình thức tham gia của công dân vào quản lý nhà nước và xã hội. Hiến pháp năm 2013 củng cố và làm rõ hơn quyền tham gia, nhấn mạnh vai trò của Nhà nước trong việc tạo điều kiện cho công dân thực hiện quyền này. Điều 28 Hiến pháp năm 2013 quy định: “1. Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước; 2. Nhà nước tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân”. Điều này thể hiện sự cam kết mạnh mẽ của Nhà nước Việt Nam đối với việc bảo đảm quyền tham gia của công dân, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quá trình tiếp nhận và phản hồi ý kiến của người dân.

Nhìn chung, lịch sử hiến định quyền tham gia ở Việt Nam cho thấy một quá trình phát triển liên tục và tiến bộ, phản ánh sự nhận thức ngày càng sâu sắc về vai trò của người dân

trong quản lý nhà nước và xã hội. Qua các lần sửa đổi Hiến pháp, quyền tham gia đã được mở rộng và làm rõ, phù hợp với nhu cầu và đòi hỏi của thời đại, đồng thời góp phần vào việc xây dựng một nền dân chủ vững chắc và toàn diện hơn, cho thấy sự cam kết mạnh mẽ của Việt Nam đối với quyền tham gia thông qua việc quy định rõ ràng trong các bản Hiến pháp. Quy định quyền tham gia đã được điều chỉnh để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, chính trị và xã hội của Việt Nam. Sự mở rộng và làm rõ các quyền này trong các bản Hiến pháp phản ánh sự thích ứng của Việt Nam đối với nhu cầu tham gia ngày càng cao của người dân trong bối cảnh phát triển của đất nước. Quyền này còn được liên kết chặt chẽ với các quyền khác như quyền kiến nghị, quyền biểu quyết trưng cầu ý dân và quyền được tiếp cận thông tin. Điều này thể hiện sự kết nối giữa quyền tham gia và các quyền dân chủ cơ bản khác, tạo nên một nền tảng vững chắc cho sự tham gia của người dân vào quá trình quản lý nhà nước.

3.2. Tạo động lực phát triển đất nước bằng việc bảo đảm quyền được tham gia của người dân vào quá trình phát triển và một số kiến nghị

3.2.1. Các cách thức tạo động lực phát triển đất nước từ việc bảo đảm quyền được tham gia của người dân vào quá trình phát triển

Bảo đảm quyền được tham gia của người dân vào quá trình phát triển không chỉ đòi hỏi sự ghi nhận trong Hiến pháp và pháp luật mà còn yêu cầu xây dựng một hệ thống thể chế mạnh mẽ và các biện pháp bảo đảm thực thi quyền đó trong thực tế. Việc bảo đảm quyền được tham gia của người dân vào quá trình phát triển tạo ra động lực phát triển đất nước dựa theo các cách sau:

Tăng cường đầu tư cá nhân và cộng đồng, theo đó, tạo động lực phát triển. Khi người dân được tham gia vào quá trình phát triển, họ có cảm giác sở hữu và trách nhiệm đối với các dự án và chính sách. Điều này khuyến khích họ đầu tư thời gian, công sức và tài chính cá nhân vào các hoạt động phát triển, vì họ thấy rõ vai trò của mình và tiềm năng mang lại lợi ích. Tham gia vào quá trình phát triển cho phép người dân học hỏi, nâng cao kỹ năng và kiến thức. Sự phát triển cá nhân này khuyến khích họ đầu tư nhiều hơn vào bản thân, vì họ nhận ra giá trị mà họ có thể mang lại cho cộng đồng và cho chính mình.

Sự kết hợp giữa đầu tư cá nhân và cộng đồng tạo ra một nguồn lực mạnh mẽ cho sự phát triển. Đầu tư cá nhân nâng cao năng lực và khả năng sáng tạo, trong khi đầu tư cộng đồng củng cố hạ tầng và môi trường sống, từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và xã hội. Khi cá nhân và cộng đồng đều đầu tư vào quá trình phát triển, động lực này tạo ra sự hỗ trợ lâu dài và bền vững. Sự kết hợp này đảm bảo rằng các hoạt động phát triển không chỉ đạt được kết quả ngắn hạn mà còn tạo ra các giá trị dài hạn cho cả cá nhân và cộng đồng. Sự đầu tư này không chỉ nâng cao hiệu quả và tính bền vững của các hoạt động phát triển mà còn tạo ra động lực mạnh mẽ cho sự thịnh vượng và phát triển bền vững của xã hội.

Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, theo đó, tạo động lực phát triển. Khi người dân được tham gia vào quá trình phát triển, họ mang đến những ý tưởng và quan điểm đa dạng từ các lĩnh vực và kinh nghiệm khác nhau. Sự đóng góp này tạo điều kiện cho việc nảy sinh những giải pháp sáng tạo và mới mẻ, vì những ý tưởng đa dạng thường dẫn đến các cải tiến đột phá. Tham gia vào quá trình phát triển khuyến khích người dân thử nghiệm và đề xuất những cách làm mới, bởi họ thấy mình có thể ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả. Sự thúc đẩy này kích thích một môi trường đổi mới, nơi những ý tưởng sáng tạo được khuyến khích và thử nghiệm.

Sự kết hợp giữa đổi mới và cải tiến tạo ra một nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững. Đổi mới mang lại những giải pháp đột phá, trong khi cải tiến liên tục đảm bảo rằng các giải pháp này được tối ưu hóa và thích ứng với các thay đổi trong môi trường phát triển.

Khi đổi mới và cải tiến trở thành phần cốt lõi của quá trình phát triển, các lĩnh vực kinh tế và xã hội đều được hưởng lợi. Điều này không chỉ dẫn đến tăng trưởng kinh tế mà còn cải thiện chất lượng cuộc sống, xây dựng một xã hội tiên tiến và cạnh tranh. Nhìn chung, việc bảo đảm quyền tham gia của người dân có mối quan hệ mật thiết với việc khuyến khích đổi mới và cải tiến. Sự kết hợp này tạo ra động lực mạnh mẽ cho phát triển bền vững và toàn diện, khi mà cả đổi mới và cải tiến đều được thúc đẩy để đạt được những kết quả tốt nhất cho cá nhân và cộng đồng.

Nghiên cứu của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) về đổi mới, sáng tạo của Đức (OECD, 2022: 25, 40, 52-54) đã chứng minh rằng việc mở rộng quyền tham gia của người dân vào quá trình phát triển sẽ tạo điều kiện cho sự sáng tạo và đổi mới. Người dân thường có hiểu biết sâu sắc về các vấn đề và nhu cầu của cộng đồng mình, do đó, khi được tham gia vào quá trình ra quyết định, họ có thể đưa ra những giải pháp sáng tạo và hiệu quả hơn. Sự tham gia của nhiều nhóm xã hội khác nhau vào các hoạt động đổi mới cũng sẽ thúc đẩy sự tham gia rộng rãi hơn của xã hội, bên cạnh việc giúp đưa ra các quá trình chuyển đổi. Nhật Bản là một quốc gia điển hình về việc áp dụng các giải pháp sáng tạo trong phát triển đô thị và công nghệ nhờ sự tham gia tích cực của người dân. Các sáng kiến như “machizukuri” (quy hoạch đô thị do cộng đồng dẫn đầu) cho phép người dân tham gia trực tiếp vào quy hoạch và phát triển khu vực họ sinh sống. Điều này không chỉ tăng cường tính trách nhiệm mà còn giúp Nhật Bản phát triển các giải pháp đô thị thông minh và bền vững. Thuật ngữ “machizukuri” bao gồm một tập hợp các cách tiếp cận và hoạt động dựa trên các nguồn lực hiện có trong mỗi xã hội địa phương, được thực hiện bởi nhiều tác nhân khác nhau nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống và môi trường sống xung quanh. Có thể nói “machizukuri” là một khái niệm chung bao gồm mô tả thái độ đối với quy hoạch và trao quyền cho cộng đồng (Shigeru Satoh, 2019: 127-128). Nhật Bản cũng đã chứng minh hiệu quả của việc kết hợp giữa sáng kiến cộng đồng và chính sách công trong phát triển bền vững. Các quan hệ đối tác công - tư tại Nhật Bản đã tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp đóng góp vào các sáng kiến nghiên cứu, chẳng hạn như phát triển công nghệ năng lượng sạch và tái chế nhựa. Các nỗ lực này đã giúp Nhật Bản đạt được những tiên bộ đáng kể trong việc giảm thiểu tác động môi trường và thúc đẩy tăng trưởng bền vững.

Cải thiện hiệu quả và tính minh bạch trong các hoạt động phát triển, theo đó, tạo động lực phát triển: Sự tham gia của người dân tạo ra một cơ chế giám sát và phản hồi liên tục, giúp các tổ chức và chính quyền điều chỉnh và cải thiện các hoạt động phát triển, dẫn đến việc thực hiện hiệu quả hơn và giảm thiểu sự lãng phí tài nguyên.

Khi quyền tham gia của người dân vào quá trình phát triển được bảo đảm, các hoạt động phát triển trở nên hiệu quả hơn và thúc đẩy sự đổi mới do các ý tưởng sáng tạo và phản hồi liên tục được đưa vào quá trình phát triển. Điều này giúp tối ưu hóa nguồn lực và đạt được kết quả tốt hơn. Minh bạch và trách nhiệm giải trình nâng cao niềm tin của người dân vào các hoạt động phát triển, từ đó khuyến khích họ hợp tác và hỗ trợ. Niềm tin và sự hợp tác này là động lực mạnh mẽ cho sự phát triển bền vững. Nhìn chung, bảo đảm quyền tham gia của người dân có mối quan hệ chặt chẽ với việc cải thiện hiệu quả và tính minh bạch trong các hoạt động phát triển. Sự kết hợp này không chỉ tạo ra các hoạt động phát triển hiệu quả hơn mà còn xây dựng một môi trường minh bạch, qua đó tạo ra động lực phát triển mạnh mẽ và bền vững.

Tăng cường sự tin cậy và hợp tác, theo đó, tạo động lực phát triển. Quyền tham gia giúp xây dựng lòng tin giữa cộng đồng và chính quyền. Khi người dân cảm thấy họ có tiếng nói và ảnh hưởng, họ dễ dàng hơn trong việc hợp tác và hỗ trợ các chính sách phát triển. Sự

tham gia của người dân giúp giảm thiểu các xung đột và bất đồng có thể phát sinh do thiếu thông tin hoặc sự hiểu lầm. Khi người dân được tham gia vào các quyết định, họ sẽ cảm thấy rằng quá trình phát triển là công bằng và minh bạch, từ đó tăng cường niềm tin vào hệ thống.

Bảo đảm quyền tham gia của người dân vào quá trình phát triển tạo ra một mối quan hệ tích cực, trong đó sự tin cậy và hợp tác được củng cố. Sự tin cậy vào hệ thống quản lý và sự hợp tác trong quá trình phát triển không chỉ tăng cường tính hiệu quả và bền vững mà còn tạo ra động lực mạnh mẽ cho sự phát triển toàn diện và lâu dài. Sự tin cậy vào hệ thống quản lý và sự hợp tác giữa người dân và các cơ quan thực hiện tạo ra một môi trường phát triển ổn định và bền vững. Niềm tin và hợp tác làm tăng hiệu quả của các hoạt động phát triển, giảm thiểu các rủi ro và xung đột tiềm ẩn. Khi người dân tin tưởng vào các cơ quan quản lý và sẵn sàng hợp tác, họ sẽ dễ dàng chia sẻ các ý tưởng sáng tạo và đổi mới. Sự hợp tác này là động lực mạnh mẽ để phát triển các giải pháp sáng tạo và hiệu quả, góp phần vào sự phát triển chung.

Khuyến khích tinh thần cộng đồng, theo đó, tạo động lực phát triển. Khi người dân được tham gia vào quá trình phát triển, họ không chỉ cảm thấy có trách nhiệm mà còn kết nối chặt chẽ hơn với cộng đồng. Sự tham gia này thúc đẩy ý thức đoàn kết và gắn bó, bởi mỗi cá nhân thấy rằng họ đang đóng góp vào một mục tiêu chung của cộng đồng. Quyền tham gia tạo cơ hội cho mọi thành viên trong cộng đồng đóng góp ý kiến và cùng nhau giải quyết các vấn đề phát triển. Điều này xây dựng một môi trường cộng tác, nơi mọi người cùng chia sẻ và làm việc vì lợi ích chung, từ đó tăng cường tinh thần cộng đồng.

Tinh thần cộng đồng được củng cố bởi quyền tham gia của người dân tạo ra một môi trường hợp tác, nơi mọi người cùng chung sức để đạt được các mục tiêu phát triển. Sự hợp tác này là động lực quan trọng, thúc đẩy sự tiến bộ và hiệu quả trong các hoạt động phát triển. Khi tinh thần cộng đồng mạnh mẽ, người dân sẵn sàng chia sẻ ý tưởng và sáng kiến để cải thiện cuộc sống chung. Sự đoàn kết và đồng thuận trong cộng đồng là nền tảng vững chắc cho sự sáng tạo và đổi mới, góp phần vào sự phát triển bền vững. Nhìn chung, quyền tham gia của người dân không chỉ khuyến khích tinh thần cộng đồng mà còn tạo ra động lực mạnh mẽ cho sự phát triển. Tinh thần cộng đồng thúc đẩy sự hợp tác, sáng tạo và hiệu quả trong các hoạt động phát triển, giúp xây dựng một xã hội phát triển bền vững và thịnh vượng.

3.2.2. Một số thành tựu, hạn chế và kiến nghị để bảo đảm quyền được tham gia của người dân vào quá trình phát triển tạo động lực phát triển đất nước

Trong thời gian qua, Việt Nam đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong việc bảo đảm thực hiện quyền được tham gia của người dân vào quá trình phát triển, tạo được động lực to lớn thúc đẩy sự phát triển của đất nước.

Theo Ngân hàng Thế giới, trong vòng gần nửa thế kỉ kể từ khi chiến tranh kết thúc và sau gần 40 năm Đổi mới, Việt Nam đã trở thành nền kinh tế năng động và là thị trường đầy hấp dẫn với thế giới bên ngoài. GDP bình quân đầu người (tính theo giá cố định bằng đô la - USD Mỹ năm 2015) tăng từ 481 USD năm 1986 lên 2.655 USD vào năm 2020 (Ngân hàng Thế giới, 2022: 1) và tiếp tục tăng lên 4.284,5 USD vào năm 2023, tăng 160 USD so với năm 2022 (Tổng cục Thống kê, 2023: 4). Thời gian qua, Chính phủ, các bộ, các ngành đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách người có công với cách mạng, trợ giúp xã hội, an sinh xã hội, giảm nghèo, nâng cao đời sống Nhân dân, trong đó có các chính sách, giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động, người dân bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam ngày càng tăng. Chỉ số hạnh phúc của Việt Nam các năm 2022/2023/2024 lần lượt tăng từ vị trí 77/65/54 (Helliwell, J. F. at al, 2023: 35; Layard,

R. at al, 2024: 16). Theo đó, chỉ số hạnh phúc của Việt Nam năm 2024 đạt thứ hạng cao nhất kể từ năm 2015, đứng thứ 54 trên thế giới (Quang Lộc, 2024). Mặt khác, Việt Nam được xếp hạng cao về bình đẳng khi mà khoảng cách giữa một nửa dân số cảm thấy hạnh phúc hơn và nửa dân số ít hạnh phúc hơn rất nhỏ. Ở tiêu chí này, Việt Nam là nước châu Á duy nhất lọt vào top 20 thế giới (Helliwell, J. F. at al, 2023: 41). Đánh giá về sự thay đổi chỉ số hạnh phúc theo giai đoạn từ 2006-2010 đến 2021-2023, Việt Nam được xếp thứ hạng 27 (Layard, R. và các cộng sự, 2024: 36). Đánh giá giữa nhiệm kỳ tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 16/2021/QH15 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 có chỉ rõ, thời gian qua, Chính phủ, các bộ, các ngành đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách người có công với cách mạng, trợ giúp xã hội, an sinh xã hội, giảm nghèo, nâng cao đời sống Nhân dân, trong đó có các chính sách, giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động, người dân bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 (Chính phủ, 2023: 1-4). Thành tựu giảm nghèo là một trong những kết quả xã hội nổi bật của Việt Nam, thể hiện ở việc thu nhập bình quân của hộ nghèo đến cuối năm 2020 đã tăng gấp 3,5 lần so với năm 2010 (Thanh Giang, 2023). Theo Báo cáo Khoảng cách giới toàn cầu năm 2023 do Diễn đàn Kinh tế thế giới công bố, Việt Nam hiện xếp hạng 72 trong danh sách này với tiến độ bình đẳng giới đạt 71,1%, tăng 11 bậc so với vị trí năm 2022. Việt Nam có tiến triển 2,3 điểm phần trăm kể từ năm 2007 (điểm 68,9%) khi lần đầu tiên được đưa tin. Trong khi Báo cáo Khoảng cách giới năm 2022 phản ánh không có bộ trưởng nữ nào, thì năm 2023 có 11,1% bộ trưởng nữ, đưa điểm bình đẳng về chỉ số trao quyền chính trị tăng từ 13,5% lên 16,6%. Về trình độ học vấn, Việt Nam đạt bình đẳng 98,5%. Cũng có sự bình đẳng hoàn toàn trong tỉ lệ phụ nữ làm công nhân kỹ thuật và phụ nữ kiếm được 81,4% thu nhập ước tính của nam giới. Sự bình đẳng trong tham gia lực lượng lao động là 88,1%, mặc dù chỉ có 25,6% cán bộ cấp cao là phụ nữ. Nhìn chung, Việt Nam đạt mức bình đẳng 74,9% về mức độ tham gia kinh tế và chỉ số phụ cơ hội (World Economic Forum, 2023: 11, 30, 31).

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, Đảng ta thẳng thắn chỉ rõ *những hạn chế* trong bảo đảm thực hiện quyền được tham gia của người dân vào quá trình phát triển: “Quyền làm chủ của nhân dân có lúc, có nơi còn bị vi phạm; vẫn còn biểu hiện dân chủ hình thức, tách rời dân chủ với kỷ cương, pháp luật” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, t.1: 89); “công tác phòng ngừa tham nhũng ở một số nơi còn hình thức. Việc phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí vẫn còn hạn chế, nhất là việc tự kiểm tra, tự phát hiện và xử lý tham nhũng, lãng phí trong nội bộ cơ quan, đơn vị còn yếu; tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực trong khu vực hành chính, dịch vụ công chưa được đẩy lùi. Tham nhũng, lãng phí trên một số lĩnh vực, địa bàn vẫn còn nghiêm trọng, phức tạp, với những biểu hiện ngày càng tinh vi, gây bức xúc trong xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, t.1: 92-93); “Một số tổ chức cơ sở đảng, một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa gương mẫu, chưa thực sự tôn trọng ý kiến, kiến nghị của nhân dân và giải quyết kịp thời các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, t.2: 88-89). Đó còn là sự lãng phí nguồn lực nội sinh - không thể mở rộng cơ hội để huy động một cách triệt để, hiệu quả các nguồn lực, trước hết là trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân tham gia phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Để bảo đảm quyền được tham gia của người dân vào quá trình phát triển, từ đó tạo động lực cho sự phát triển của quốc gia, Việt Nam cần tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

Một là, xây dựng hệ thống quy định pháp luật rõ ràng tạo cơ sở pháp lý vững chắc, đầy đủ cho việc bảo đảm quyền được tham gia. Các quy định này cần được xây dựng dựa trên các nguyên tắc công bằng xã hội, minh bạch và bảo vệ quyền lợi của mọi tầng lớp dân cư,

đặc biệt là các nhóm yếu thế. Điều này có nghĩa là pháp luật không chỉ đơn thuần là một công cụ quản lý mà còn là một phương tiện để bảo vệ các quyền cơ bản của con người, đảm bảo rằng tất cả mọi người đều có cơ hội tham gia vào quá trình phát triển.

Hai là, thiết lập cơ chế thực thi và giám sát hiệu quả. Cơ chế này không chỉ đảm bảo rằng các quy định pháp luật được thực hiện đúng đắn mà còn tạo điều kiện cho sự giám sát độc lập và minh bạch. Theo đó, cần thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của Quốc hội (thông qua các Ủy ban chuyên trách), Hội đồng nhân dân và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Bên cạnh đó, cần thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả cơ chế giải quyết khiếu nại. Người dân cần có quyền khiếu nại nếu họ cảm thấy quyền lợi của mình bị xâm phạm hoặc không được bảo vệ đầy đủ. Điều này đòi hỏi phải có các cơ quan có thẩm quyền và đủ năng lực để xử lý những khiếu nại này một cách nhanh chóng và công bằng. Ngoài ra, việc thiết lập cơ chế phản biện và đối thoại xã hội là cần thiết để các tổ chức, cá nhân và người dân có thể đóng góp ý kiến, phản hồi về các chính sách và quá trình thực thi quyền được tham gia vào quá trình phát triển. Các cơ chế này có thể được thực hiện thông qua các hội nghị, hội thảo hoặc diễn đàn mở, do các cơ quan nhà nước hoặc tổ chức dưới sự điều phối của Mặt trận Tổ quốc tổ chức. Đồng thời, các cuộc đối thoại xã hội giữa chính quyền với các tổ chức xã hội và người dân không chỉ giúp giải quyết mâu thuẫn mà còn tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, từ đó xây dựng niềm tin và thúc đẩy tính dân chủ, minh bạch trong quản lý xã hội.

Ba là, nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền được tham gia của người dân vào quá trình phát triển thông qua việc thiết lập cơ chế tham vấn, đối thoại thực chất, thường xuyên với người dân và tăng cường quyền tiếp cận thông tin.

Việc thiết lập cơ chế tham vấn và đối thoại thường xuyên với người dân là một bước quan trọng trong việc đảm bảo sự tham gia chủ động của cộng đồng vào quá trình phát triển. Khi người dân có cơ hội tham gia vào việc hoạch định chính sách và đánh giá các dự án phát triển, họ không chỉ có thể đóng góp ý kiến mà còn cảm thấy mình là một phần của quá trình này. Các cuộc họp cộng đồng, diễn đàn công khai, hoặc các nền tảng trực tuyến là những công cụ hiệu quả để thực hiện điều này. Những cơ chế này cần được tổ chức một cách thường xuyên và mang tính xây dựng, với sự tham gia đa dạng của các tầng lớp dân cư, đảm bảo rằng mọi tiếng nói đều được lắng nghe và tôn trọng. Thông qua quá trình này, các chính sách và dự án sẽ trở nên thực tiễn hơn, phản ánh đúng nhu cầu và nguyện vọng của người dân, từ đó tạo ra sự đồng thuận và hỗ trợ trong quá trình thực thi.

Minh bạch thông tin là nền tảng để người dân có thể tham gia một cách hiệu quả vào quá trình phát triển. Việc đảm bảo quyền tiếp cận thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời là điều kiện tiên quyết để người dân có thể đưa ra những quyết định có cơ sở và đóng góp ý kiến một cách hiệu quả. Điều này đòi hỏi các cơ quan nhà nước và tổ chức liên quan phải công khai các thông tin về chính sách, dự án phát triển, bao gồm mục tiêu, nguồn lực, tiến độ thực hiện và các tác động tiềm năng. Các kênh thông tin này cần dễ dàng tiếp cận, sử dụng ngôn ngữ rõ ràng và được phổ biến rộng rãi qua nhiều hình thức khác nhau như báo chí, Internet hoặc thông báo công khai tại các địa phương. Khi người dân được trang bị thông tin đầy đủ, họ sẽ có khả năng giám sát, phản biện và tham gia vào quá trình ra quyết định một cách hiệu quả hơn, đồng thời nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của chính quyền.

Bốn là, để bảo đảm quyền tham gia vào quá trình phát triển của người dân, việc thúc đẩy tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đóng vai trò thiết yếu.

Trước hết, cần tiếp tục đổi mới hoạt động giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giúp đảm bảo rằng các quyết định liên quan đến phát triển và

phân bổ lợi ích được thực hiện theo các tiêu chuẩn công bằng và minh bạch để người dân có thể theo dõi và đánh giá các quyết định này một cách dễ dàng. Những cơ chế giám sát này không chỉ giúp phát hiện và ngăn ngừa các hành vi tham nhũng hoặc lạm dụng mà còn tạo ra một môi trường minh bạch, nơi mà mọi người dân đều có thể đóng góp ý kiến và yêu cầu giải thích về các chính sách và quyết định.

Bên cạnh đó, tăng cường trách nhiệm giải trình là một yếu tố quan trọng khác để xây dựng niềm tin và thúc đẩy sự phát triển bền vững. Các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp cần phải có trách nhiệm giải trình trước người dân về cách thức thực hiện các dự án phát triển và phân phối lợi ích, trên cơ sở đó, xây dựng niềm tin của người dân vào hệ thống, thúc đẩy người dân tích cực tham gia vào các hoạt động phát triển. Điều này có thể thực hiện thông qua việc công khai báo cáo tài chính, tiến độ dự án và các kết quả đạt được. Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình không chỉ nâng cao sự tin tưởng của người dân mà còn tạo động lực cho sự phát triển bền vững và công bằng, vì nó đảm bảo rằng mọi quyết định và hành động đều phục vụ lợi ích chung và được thực hiện một cách công bằng.

Năm là, tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức cộng đồng giúp bảo đảm quyền tham gia vào quá trình phát triển trên thực tế của người dân. Tổ chức các chương trình giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao nhận thức về quyền lợi của người dân là rất cần thiết giúp người dân hiểu rõ hơn về quyền được tham gia vào quá trình phát triển, giúp người dân nhận thức về các quyền lợi chính trị, xã hội và kinh tế, đồng thời cung cấp các kỹ năng cần thiết để họ có thể tham gia hiệu quả vào quá trình ra quyết định, giám sát và biết cách thực hiện quyền, bảo vệ quyền của mình.

4. Kết luận

Bảo đảm quyền được tham gia của người dân vào quá trình phát triển không chỉ là yêu cầu của hệ thống quyền con người hiện đại mà còn là động lực nội sinh quan trọng để phát triển đất nước theo hướng bền vững, công bằng và bao trùm. Việc thực hiện các quyền này giúp tăng cường sự đồng thuận xã hội, khơi dậy tinh thần trách nhiệm, sáng tạo của người dân và nâng cao chất lượng chính sách công. Trong bối cảnh Việt Nam đang hướng đến mục tiêu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, bảo đảm thực chất hai quyền nói trên chính là cách thiết thực nhất để hiện thực hóa phương châm “lấy dân làm gốc” và khẳng định bản chất nhân văn, tiến bộ của mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Tuy đã đạt được nhiều tiến bộ, Việt Nam vẫn cần tiếp tục hoàn thiện thể chế, tăng cường cơ chế thực thi, nâng cao nhận thức cộng đồng, bảo đảm sự minh bạch và trách nhiệm giải trình, để quyền tham gia của người dân vào quá trình phát triển không chỉ được ghi nhận về mặt pháp lý mà còn được thực hiện đầy đủ trong đời sống thực tiễn. Việc coi trọng và bảo đảm hai quyền này không chỉ là mục tiêu của phát triển mà còn là phương tiện để huy động toàn dân tham gia tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời đại mới.

Tài liệu tham khảo

Chính phủ. (2023). *Báo cáo tóm tắt số 580/BC-CP ngày 20/10/2023 về đánh giá giữa nhiệm kỳ tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 16/2021/QH15 về Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021 - 2025, Nghị quyết số 31/2021/QH15 về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025*.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. t.1, 2. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

Helliwell, J. F., Layard, R., Sachs, J. D., De Neve, J.-E., Aknin, L. B., & Wang, S. (Eds.). (2023). *World Happiness Report 2023*. New York: Sustainable Development Solutions Network.

- Hội nghị thượng đỉnh Trái đất về Môi trường và Phát triển. (1992). *Chương trình Nghị sự 21*. Rio de Janeiro, Brazil.
- Hội nghị thượng đỉnh Liên Hợp Quốc. (2015). *Chương trình Nghị sự 2030 về Phát triển bền vững*. New York, Mỹ.
- Layard, R., Sachs, J. D., De Neve, J.-E., Aknin, L. B., & Wang, S. (Eds.). (2024). *World Happiness Report 2024*. University of Oxford: Wellbeing Research Centre.
- Liên Hợp Quốc. (1948). *Tuyên ngôn toàn thế giới về Quyền con người*.
- Liên Hợp Quốc. (1966). *Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR)*.
- Liên Hợp Quốc. (1986). *Tuyên bố về Quyền phát triển*.
- Ngân hàng Thế giới. (2022). *Từ chặng đường cuối đến chặng đường kế tiếp - Đánh giá thực trạng nghèo và bình đẳng của Việt Nam năm 2022*. Washington, DC: Ngân hàng Thế giới. Giấy phép: Creative Commons Attribution CC BY 3.0 IGO.
- OECD. (2022). OECD Reviews of Innovation Policy: Germany 2022: Building Agility for Successful Transitions. *OECD Reviews of Innovation Policy*. OECD Publishing. Paris. <https://doi.org/10.1787/50b32331-en>
- Phạm Thị Hậu. (4/3/2024). Một số lý thuyết về sự tham gia của người dân trong hoạt động quản lý nhà nước và giá trị tham khảo cho Việt Nam. *Tạp chí Quản lý nhà nước*. <https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/03/04/mot-so-ly-thuyet-ve-su-tham-gia-cua-nguoi-dan-trong-hoat-dong-quan-ly-nha-nuoc-va-gia-tri-tham-khao-cho-viet-nam/>
- Quang Lộc. (21/3/2024). Việt Nam thăng hạng về chỉ số hạnh phúc: "Trái ngọt" của sự nỗ lực không ngừng nghỉ. *Kinh tế Việt Nam*. <https://kinhte.congthuong.vn/viet-nam-thang-hang-ve-chi-so-hanh-phuc-trai-ngot-cua-su-no-luc-khong-ngung-nghi-309980.html>
- Quốc hội. (1946). Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Quyet-dinh-1393-QD-TTg-nam-2012-phe-duyet-Chien-luoc-quoc-gia-tang-truong-xanh-148498.aspx>
- Quốc hội. (1980). Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-1980-Cong-hoa-Xa-hoi-Chu-Nghia-Viet-Nam-36948.aspx>
- Quốc hội. (1992). Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-1992-cong-hoa-xa-hoi-chu-nghia-Viet-nam-38238.aspx>
- Quốc hội. (2013). Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013. <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=171264&classid=1&typegroupid=1>
- Shigeru Satoh. (2019). Evolution and methodology of Japanese machizukuri for the improvement of living environments. *Japan Architectural Review*. Architectural Institute of Japan. April 2019, vol.2, no.2.
- Thanh Giang. (4/12/2023). Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội. *Báo Nhân dân điện tử*. <https://nhandan.vn/tiep-tuc-doi-moi-nang-cao-chat-luong-chinh-sach-xa-hoi-post785793.html?utm>
- Tổng cục Thống kê. (2023). *Báo cáo số 502/BC-TCTK ngày 28/12/2023 về tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2023*.
- UN Department of Economic and Social Affairs. (2020). *United Nations E-Government Survey 2020: Digital Government in the Decade of Action for Sustainable Development*. New York, (publicadministration.un.org).
- World Economic Forum. (2023). *Global Gender Gap Report 2023 (Insight Report)*. June 2023.